

Biện pháp nâng cao hứng thú học tập cho sinh viên trong các giờ thực hành ở Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

Hồ Công Nghiệp*, Phạm Văn Tường*

* Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

Received: 06/02/2023; Accepted: 15/02/2023; Published: 22/02/2023

Abstract: Interest in learning gives students a pleasant emotional state, comfort, fascination, excitement, stimulating students to focus highly on learning activities. However, during the practical hours, students of Quy Nhon College of Engineering and Technology still showed many expressions of not being really interested, thus affecting the quality and effectiveness of the school's teaching. This scientific article will give some appropriate pedagogical impact measures to improve learning interest in practical hours for school students.

Keywords: Excitement, cognitive interest, interest in learning, interest in practical hours, students of Quy Nhon College of Engineering and Technology.

1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn luôn chú trọng đến kỹ năng nghề cho SV nhằm *đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động*. Vì thế trong những năm qua và hiện nay nhà trường luôn đẩy mạnh và làm tốt công tác dạy thực hành nghề cho SV. Tuy nhiên, qua thực tế giảng dạy và căn cứ vào kết quả học tập của SV chúng tôi nhận thấy: Việc học tập còn mang tính bắt buộc, căng thẳng, trong quá trình học tập các giờ thực hành SV chưa có sự tìm tòi, sáng tạo và say mê đối với nó. Vì thế kết quả học tập không cao, kỹ năng nghề hạn chế, SV chưa giải quyết tốt các tình huống thực tiễn. Xuất phát từ tầm quan trọng của hứng thú và hứng thú học tập, đặc biệt xuất phát từ thực trạng hứng thú học tập các giờ thực hành của SV trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn như đã nêu trên. Chúng tôi luôn mong muốn, bằng cách nào đó để SV của nhà trường học tập tốt hơn, có sự say mê, tích cực, tìm tòi, sáng tạo trong các giờ học thực hành, biết vận dụng kiến thức học được để giải quyết những công việc, tình huống thực tiễn. Vì thế việc nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp nâng cao hứng thú học tập trong các giờ thực hành của SV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn là vấn đề cấp thiết hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng hứng thú học tập trong các giờ thực hành của SV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

- *Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu được tiến hành trên 480 SV và 61 giảng viên ở các Khoa Công nghệ Ô

tô, Khoa Cơ khí, Khoa Điện, Khoa Điện tử - Tin học.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi, phương pháp quan sát, phương pháp trò chuyện phỏng vấn là những phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu này. Các kết quả nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0 dùng trong phân tích kết quả nghiên cứu khoa học xã hội.

- *Thực trạng hứng thú học tập trong các giờ thực hành của SV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.* Kết quả nghiên cứu thực trạng đã chỉ ra rằng: SV đã có hứng thú học tập các giờ thực hành nhưng chưa cao, điểm trung bình chỉ đạt $\bar{X} = 2.49$. Các thành phần tâm tâm lý trong hứng thú học tập các giờ thực hành của SV biểu hiện không đồng đều: biểu hiện cao nhất là mặt nhận thức, thứ hai là mặt thái độ, thấp hơn cả mặt hành vi.

Các chỉ số của hứng thú học tập trong các giờ thực hành						
Nhận thức		Thái độ		Hành vi		$\sum \bar{X}_{TB}$
\bar{X}	Thứ bậc	\bar{X}	Thứ bậc	\bar{X}	Thứ bậc	
2.66	1	2.40	2	2.39	3	2.49

2.2. Biện pháp tác động nhằm nâng cao hứng thú học tập trong các giờ thực hành của SV Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn

2.2.1. Hình thành động cơ và thái độ học tập đúng đắn cho SV

* *Nội dung và cách tiến hành biện pháp:*

- Giảng viên cần biến các giờ thực hành khô khan thành giờ học đầy ý nghĩa cho SV, giờ thực hành sẽ trở nên ấn tượng, mang lại ý nghĩa thiết thực cho bản

thân.

- Giúp SV thay đổi thái độ từ chồ: chỉ xem giờ thực hành như là một bài tập hay phần luyện tập nhằm khắc sâu kiến thức lý thuyết đã học; đến chồ: xem giờ thực hành vừa là nguồn gốc, vừa là mục đích của kiến thức và vừa là nơi làm cho kiến thức có giá trị.

- Bằng những minh chứng thật sinh động, giảng viên cho SV thấy rằng: sự thiếu và yếu về kỹ năng nghề nghiệp khi ra trường sẽ dẫn đến những khó khăn nhất định khi hành nghề. Qua đó giúp SV thấy được ý nghĩa thiết thực và giá trị cốt lõi của các giờ thực hành đề nỗ lực, tích cực hơn khi đến giờ thực hành.

2.2.2. *Lồng ghép và khai thác các tình huống nghề nghiệp trong giờ thực hành*

** Nội dung và cách tiến hành biện pháp:*

- Giảng viên thường xuyên và có ý thức thu thập các tình huống nghề nghiệp trong thực tiễn để lồng ghép vào trong các giờ thực hành theo từng bài thực hành cụ thể.

- Đưa ra, đặt ra một số tình huống nghề nghiệp giả định (có thể giảng viên tự tạo ra, tự tưởng tượng, tự xây dựng nên tình huống nghề nghiệp giả định; cũng có thể đề SV tạo ra, giới thiệu, đề xuất các tình huống nghề nghiệp giả định trong các nội dung thực hành).

- Các tình huống nghề nghiệp sẽ được SV tiến hành nghiên cứu xử lý, giải quyết, thực hiện (có thể tiến hành bằng hình thức ghi ra giấy, viết, vẽ các mô hình, các ý tưởng, có thể thực hiện bằng hành động trực tiếp trên mô hình dạy học, các sản phẩm học tập, vật tư sản xuất và thực hành).

- Giảng viên cần có sự theo dõi, giám sát, giúp đỡ, hướng dẫn, tư vấn, gợi mở, thao tác mẫu, nhận xét và rút ra kết luận,...

2.2.3. *Kiến tạo bầu không khí tâm lý trong giờ học thực hành thoải mái, thân thiện, dân chủ và gần gũi.*

** Nội dung và cách tiến hành biện pháp:*

- Giảng viên luôn vui vẻ, tạo dựng tâm lý phấn khởi cho SV ngay những giây phút đầu tiên trước khi bắt đầu giờ thực hành.

- Tạo điều kiện, tạo cơ hội cho SV được tự do trình bày ý kiến, quan điểm của mình, giảng viên không áp đặt ý kiến của mình lên SV, tôn trọng ý kiến của họ.

- Thúc đẩy SV làm chủ các giờ thực hành, SV cần chủ động với giảng viên trong việc chuẩn bị vật tư thực hành, sắp xếp không gian thực hành, nhận xét, đánh giá quá trình thực hành. Giảng viên đóng vai trò cố vấn, hỗ trợ các giờ thực hành, SV đóng vai trò chủ thể trong các giờ thực hành.

- Trong các giờ thực hành, giảng viên cần hạn chế tối đa việc phê bình, nhận xét, đánh giá tiêu cực,... cần đánh giá SV theo chiều hướng động và phát triển, hôm nay có thể chưa làm tốt nhưng hôm sau có thể sẽ khác.

- Xây dựng dư luận tập thể lành mạnh, tích cực, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, bạn thực hành tốt sẽ giúp đỡ, hướng dẫn cho những bạn chưa thực hành được.

2.2.4. *Trong giờ thực hành cần thiết phải có sự làm mẫu, thị phạm chi tiết và cụ thể của giảng viên*

** Mục tiêu của biện pháp:*

- SV có hình mẫu để định hướng hoạt động, xác định rõ phương hướng khi bắt đầu giờ thực hành. Điều đó tạo cho SV sự yên tâm và chắc chắn trong quá trình thực hành, không bị áp lực trong giờ thực hành.

- Việc thực hành mẫu của giảng viên sẽ giúp SV cảm thấy yêu nghề hơn, kích thích sự hăng say hoạt động thực hành nghề nghiệp.

** Nội dung và cách tiến hành biện pháp:*

- Giảng viên thực hiện đúng quy trình các bước làm mẫu trong phương pháp giảng dạy thực hành cho SV tại xưởng thực hành/phòng thực hành.

- Khi làm mẫu, giảng viên cần phải thực hiện thật rõ ràng, chi tiết trước cả nhóm SV. Có thể kết hợp giữa hành động và lời miêu tả, giải thích, phân tích cụ thể để SV dễ dàng theo dõi, tiếp thu và học tập những thao tác, động tác thực hành nghề nghiệp.

- Hình mẫu phải phân chia thành các nhiệm vụ cần thực hiện, xác định các điểm mấu chốt, dự kiến các khó khăn khi thực hiện, thậm chí còn chỉ ra các hành động dễ sai khi thực hiện các thao tác thực hành,...

- SV sau khi quan sát hình mẫu của giảng viên cần thể hiện, thực hành lại ngay. Lúc đầu có thể thực hiện chậm, lúc sau thực hiện nhanh hơn để hình thành kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

2.2.5. *Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, điều kiện học tập, trang thiết bị dạy học và vật tư thực hành*

** Nội dung và cách tiến hành biện pháp:*

- Tận dụng tối đa những cơ sở vật chất hiện có của nhà trường. Giữa các khoa nên trao đổi với nhau để có sự thống nhất về cơ sở vật chất trong quá trình dạy thực hành.

- Có thể khai thác những phương tiện dạy học trên các kênh đa phương tiện của mạng internet và các phương tiện truyền thông. Cần có những kiến thức và kỹ năng khai thác thông tin từ internet để phục vụ cho quá trình thực hành và thị phạm.

- Hàng năm mỗi giảng viên cần có những công trình thiết kế đồ dùng dạy học tự làm, điều đó vừa thể hiện năng lực sáng tạo, năng lực chuyên môn, vừa đáp ứng yêu cầu của quá trình dạy học trong môn học, mô đun đảm nhận.

- Khuyến khích, tạo điều kiện và hỗ trợ SV cùng với giảng viên tham gia thiết kế, xây dựng đồ dùng dạy học tự làm.

2.2.6. Thiết kế và cân đối chương trình giảng dạy phù hợp với điều kiện thực tế

* Nội dung và cách tiến hành biện pháp:

- Bố trí chương trình giảng dạy hợp lý, sắp xếp cân đối thời gian giữa lý thuyết và thực hành, tổ chức địa điểm thực hành thích hợp.

- Cần xây dựng chương trình đào tạo nghề thành các môđun thực sự, mỗi môđun sẽ tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. Chương trình dạy học theo môđun sẽ giúp người học linh hoạt, mềm dẻo trong việc lựa chọn các môđun tùy theo khả năng và hoàn cảnh của bản thân.

- Ngoài ra, cần mở rộng địa điểm thực hành như thực hành ở xưởng trường, thực hành ở doanh nghiệp, xí nghiệp.

2.2.7. Liên kết và phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp, xí nghiệp trong quá trình tổ chức và dạy học thực hành cho SV

* Nội dung và cách tiến hành biện pháp:

- Doanh nghiệp, xí nghiệp và nhà trường cùng phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, kỹ năng nghề, thiết kế chương trình và tham gia vào quá trình giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của người học nghề.

- Nhà trường phải chủ động điều tra để có được thông tin về nhu cầu của doanh nghiệp, từ đó tổ chức đào tạo phù hợp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về lĩnh vực dạy nghề, đặc biệt là với các nước trong khu vực để từng bước tiếp cận chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế về kỹ năng nghề.

2.2.8. Đẩy mạnh việc sử dụng các phương pháp dạy học thực hành tích cực

* Nội dung và cách tiến hành biện pháp:

- Sử dụng các phương pháp dạy học thực hành tích cực như phương pháp dạy học theo nhóm, phương pháp mô phỏng, phương pháp Algôrit, phương pháp dạy học theo dự án.

- Mỗi phương pháp có những ưu điểm và nhược điểm riêng, nhưng tùy theo nội dung thực hành sẽ sử dụng những phương pháp phù hợp. Vì vậy giảng viên cần khéo léo kết hợp các phương pháp dạy học một cách nhuần nhuyễn nhằm đạt đến mục tiêu dạy học.

2.2.9. Thay đổi nội dung, phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của SV

* Nội dung và cách tiến hành biện pháp:

- Đối với việc đánh giá kỹ năng nghề thì giảng viên nên đánh giá SV đã làm được gì? kỹ năng giải quyết các tình huống thực tiễn như thế nào? chứ không phải là đánh giá SV học được gì, có kiến thức gì?. Do đó đối với việc đánh giá năng lực nghề cần đưa ra những tiêu chí năng lực rõ ràng.

- Kết thúc một ca thực hành, một công việc thực hành, giảng viên đánh giá SV là người đã có năng lực hay chưa, năng lực làm công việc đó như thế nào theo tiêu chí cụ thể. Cần có hệ thống các tiêu chí năng lực cho mỗi ngành, mỗi nghề để đánh giá năng lực SV một cách khách quan.

- Với những cách kiểm tra, đánh giá trên bắt buộc SV phải nỗ lực cố gắng giải quyết những công việc, những tình huống, từ đó SV sẽ tích lũy được hệ thống kinh nghiệm làm việc khi ra trường. Với cách kiểm tra, đánh giá này, SV ra trường sẵn sàng làm việc chứ không phải đào tạo lại.

3. Kết luận

Để nâng cao hứng thú học tập trong các giờ thực hành của SV cần tổ hợp nhiều biện pháp, nhưng trước hết cần tác động nhằm nâng cao nhận thức cho SV, từ đó tạo lập những tình cảm và động cơ đúng đắn, đổi mới phương pháp dạy học thực hành, phương pháp kiểm tra đánh giá, cách bố trí chương trình hợp lý theo hướng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng giải quyết các tình huống thực tiễn cho SV, tiếp đến xây dựng thái độ học tập các giờ thực hành đúng đắn mới có thể thúc đẩy được tính tích cực trong hành vi học tập. Nếu làm tốt vấn đề trên, chúng tôi tin tưởng rằng sẽ tạo ra một bước tiến trong việc nâng cao hứng thú học tập các giờ thực hành của SV trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Khôi (2001), *Một số vấn đề cơ bản về lý luận dạy học thực hành kỹ thuật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Sukina, G.I.(1971), *Vấn đề hứng thú trong khoa học giáo dục*, Tư liệu của Trường ĐHSP, Hà Nội.

3. Tổng cục Dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội (2005), *Tâm lý học nghề nghiệp*, Giáo trình, NXB Hà Nội.

4. Tổng cục Dạy nghề, Bộ lao động thương binh và xã hội (2005), *Giáo dục học nghề nghiệp*, Giáo trình, NXB Hà Nội.